

Địa chỉ: Số 24/22 Trung Kính - Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tel: 043.7834070 Fax: 043.7834071

Quý 4 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>129,432,540,116</b>	<b>67,649,226,272</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>17,302,011,180</b>	<b>106,687,756</b>
1. Tiền	111		17,302,011,180	106,687,756
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59,433,769,235</b>	<b>22,756,898,502</b>
1. Phải thu khách hàng	131		54,166,819,910	20,051,339,712
2. Trả trước cho người bán	132		7,165,471,328	3,759,471,328
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135		3,276,775	685,095
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,901,798,778)	(1,054,597,633)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>39,807,934,062</b>	<b>39,269,807,934</b>
1. Hàng tồn kho	141		39,807,934,062	39,269,807,934
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12,888,825,639</b>	<b>5,515,832,080</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	163,441,884
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		12,888,825,639	5,352,390,196
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27,391,220,395</b>	<b>13,376,631,992</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26,190,133,145</b>	<b>12,029,978,125</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>		<b>10,089,790,782</b>	<b>12,029,978,125</b>
- Nguyên giá	222		16,722,490,314	16,700,490,314
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6,632,699,532)	(4,670,512,189)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>16,100,342,363</b>	<b>0</b>

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	228		16,100,342,363	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,201,087,250</b>	<b>1,346,653,867</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,201,087,250	1,346,653,867
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>156,823,760,511</b>	<b>81,025,858,264</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>124,503,161,490</b>	<b>62,691,929,651</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68,033,079,656</b>	<b>58,681,241,216</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		12,236,432,000	13,013,986,674
2. Phải trả người bán	312		28,926,848,812	13,988,172,372
3. Người mua trả tiền trước	313		11,161,531,680	12,180,662,053
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		3,081,544,968	7,245,377,337
5. Phải trả người lao động	315		0	375,292,473
6. Chi phí phải trả	316		1,509,955,544	412,478,213
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		10,585,338,876	11,499,664,906
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		531,427,776	(34,392,812)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>56,470,081,834</b>	<b>4,010,688,435</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		56,470,081,834	4,010,688,435
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32,320,599,021</b>	<b>18,333,928,613</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>32,320,599,021</b>	<b>18,333,928,613</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26,000,000,000	13,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,118,298,000	1,063,298,000

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1,419,348,708	1,357,032,838
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		148,275,462	9,830,364
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		634,676,851	2,903,767,411
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
<b>C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>156,823,760,511</b>	<b>81,025,858,264</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

KẾ TOÁN LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	375,136,910
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(16,663,000,033)	(1,848,943,586)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(627,289,029)	(588,482,171)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(570,599,914)	(513,121,268)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1,229,882,318)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		107,694,214,910	23,984,874,895
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(110,170,272,192)	(12,331,448,123)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(21,566,828,576)</b>	<b>9,078,016,657</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2,727,273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		657,930,413	4,079,060
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>657,930,413</b>	<b>6,806,333</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4,995,390,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17,070,844,500	1,150,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4,923,119,344)	(16,332,311,071)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,600,000,000)	(4,500,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9,547,725,156</b>	<b>(10,191,421,071)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(11,361,173,007)</b>	<b>(1,106,598,081)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28,663,184,187	1,213,285,837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>17,302,011,180</b>	<b>106,687,756</b>

KẾ TOÁN LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Địa chỉ: Số 24/22 Trung Kính - Trung Hoà - Cầu Giấy

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tel: 043.7834070 Fax: 043.7834071

Quý 4 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		449,675,784	69,134,797,868	74,390,518,950	119,437,726,051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp</b>	<b>10</b>		<b>449,675,784</b>	<b>69,134,797,868</b>	<b>74,390,518,950</b>	<b>119,437,726,051</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		(4,952,832,623)	63,373,529,848	59,617,560,671	108,312,251,933
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp</b>	<b>20</b>		<b>5,402,508,407</b>	<b>5,761,268,020</b>	<b>14,772,958,279</b>	<b>11,125,474,118</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		657,927,413	3,921,200	925,958,746	43,399,060
7. Chi phí tài chính	22		1,548,385,303	3,138,625,653	3,583,949,910	4,530,916,753
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,548,385,303	3,138,625,653	3,583,949,910	4,530,916,753
8. Chi phí bán hàng	24					22,991,030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,494,086,205	2,861,938,226	6,128,002,717	5,067,500,848
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2,017,964,312</b>	<b>-235,374,659</b>	<b>5,986,964,398</b>	<b>1,547,464,547</b>
11. Thu nhập khác	31			14,481,996,668	299,042,636	14,484,723,941
12. Chi phí khác	32		1,608,411	12,103,609,846	685,760,481	12,123,201,732
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(1,608,411)</b>	<b>2,378,386,822</b>	<b>(386,717,845)</b>	<b>2,361,522,209</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>2,016,355,901</b>	<b>2,143,012,163</b>	<b>5,600,246,553</b>	<b>3,908,986,756</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,490,168,089	122,899,760	2,711,682,447	268,672,538
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			352,728,894		352,728,894
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>526,187,812</b>	<b>1,667,383,509</b>	<b>2,888,564,106</b>	<b>3,287,585,324</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty r	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					

KẾ TOÁN LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 4 năm 2010**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, đầu tư bất động sản.
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Sản xuất ống nhựa, nhôm nhiều lớp và phụ kiện, kết cấu thép hình các loại; Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện; xây dựng công trình thủy lợi, khu công nghệ cao, chuẩn bị mặt bằng xây dựng; lắp đặt điện nước, hoàn thiện các công trình xây dựng; đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 06 của Công ty

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

#### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	7 - 10

### **6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### **8. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

#### ***Giá trị thương hiệu Tổng công ty***

Giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa được Công ty đưa vào phân bổ từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 với thời gian phân bổ 15 năm.

Giá trị thương hiệu bổ sung thêm sau khi Tổng công ty xác định giá trị doanh nghiệp góp vốn vào các doanh nghiệp khác được doanh nghiệp ghi tăng vào năm 2008 và phân bổ từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 trong thời gian 15 năm theo thông báo ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Tổng công ty.

### **9. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **11. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2006 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình có Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận và chấp nhận thanh toán.

### **14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	324.166	93.246.295
Tiền gửi ngân hàng	17.301.687.014	13.441.461
<b>Cộng</b>	<b><u>17.302.011.180</u></b>	<b><u>106.687.756</u></b>

## 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Nhà máy xi măng Sông Gianh	1.722.346.000	1.722.346.000
Công ty lắp máy và XD số 7	57.458.478	57.458.478
Công ty Cổ phần thép Cửu Long	976.829.071	1.045.894.551
Công ty viễn thông liên tỉnh	199.055.800	1.054.967.607
Công ty Cổ phần xây dựng phát triển đô thị Hòa Phát	964.699.875	1.324.661.991
Công ty CP Vinaconex 6	58.200.000	58.200.000
Công ty Cổ phần kính nổi Chu Lai	2.185.022.510	4.149.165.513
Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng		5.519.660.666
Chi nhánh Công ty XD vật tư và VT tại Quảng Ninh	133.921.692	133.921.692
Công ty CP xây lắp Bưu điện Hải Phòng	91.257.632	91.257.632
Công ty Cổ phần xây dựng Sông Hồng 26	3.496.586.971	3.508.213.971
Công ty Công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền	361.963.498	361.963.498
Tổng công ty truyền thông đa phương tiện VTC	4.879.735	553.131.000
Công ty CP xây dựng bảo tàng Hồ Chí Minh	89.418.000	129.418.000
Cục thuế Hải Phòng	2.199.848.999	
BQL dự án lưới điện TP Hải Phòng	93.720.711	93.720.711
Công ty CP bất động sản tài chính dầu khí VN	6.236.681.623	
Ban quản lý dự án nhiệt điện 1	2.675.088.526	
Công ty liên doanh XD HN - Bắc Kinh	719.256.943	
Công ty CP xây dựng dầu khí Nghệ An	7.574.700.464	
Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc VN	9.023.412.000	
Công ty CP y dược VIMEFAHR	15.212.423.000	
Các đối tượng khác	90.048.382	247.358.402
<b>Cộng</b>	<b><u>54.166.819.910</u></b>	<b><u>20.051.339.712</u></b>

## 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần phát triển nông lâm công nghiệp	5.638.000.000	3.050.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng Đại Gia	596.791.528	596.791.528

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đông Mỹ	70.000.000	70.000.000
Viện quy hoạch XD Ninh Bình	300.000.000	-
CN HN Công ty CP chứng khoán NH Sài Gòn Thương Tín	18.000.000	-
Công ty CP tư vấn đầu tư XD & TM Đông Cường	500.000.000	-
Khách hàng khác	42.679.800	42.679.800
<b>Cộng</b>	<b><u>7.165.471.328</u></b>	<b><u>3.759.471.328</u></b>
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>	<b><u>Số cuối kỳ</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của cán bộ công nhân viên	3.276.775	685.095
Phải thu các đội xây lắp	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.276.775</u></b>	<b><u>685.095</u></b>
<b>5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b><u>Số cuối kỳ</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	(85.752.721)	(135.966.341)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	(294.593.735)	(861.172.814)
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(1.463.993.845)	-
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm</i>	(57.458.477)	(57.458.478)
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(1.901.798.778)</u></b>	<b><u>(1.054.597.633)</u></b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b><u>Số cuối kỳ</u></b>	<b><u>Số đầu năm</u></b>
Nguyên liệu, vật liệu	28.031.050	128.528.458
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.655.249.122	36.916.194.352
Công cụ dụng cụ	60.243.636	-
Thành phẩm	2.062.283.478	2.222.958.348
Hàng hóa	2.126.776	2.126.776
<b>Cộng</b>	<b><u>39.807.934.062</u></b>	<b><u>39.269.807.934</u></b>
<b>7. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<b>Tăng đến</b>	<b>Kết chuyển</b>
	<b>Số đầu năm</b>	<b>vào chi phí</b>
	<b>31/12/2010</b>	<b>SXXD</b>
	<b>đến 31/12/2010</b>	<b>Số cuối kỳ</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Tăng đến 31/12/2010	Kết chuyển vào chi phí SXXD	
			đến 31/12/2010	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	87.169.084		87.169.084	-
Chi phí lãi vay	-	-	-	-
Tiền thuê nhà	76.272.800	-	76.272.800	-
<b>Cộng</b>	<b>163.441.884</b>	<b>-</b>	<b>163.441.884</b>	<b>-</b>

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	11.136.906.053	4.714.957.616
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.751.919.586	637.432.580
<b>Cộng</b>	<b>12.888.825.639</b>	<b>5.352.390.196</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	-	14.270.991.716	2.257.149.113	172.349.485	16.700.490.314
Tăng do mua sắm mới				22.000.000	22.000.000
Giảm trong năm <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					
<i>Xử lý tài sản mất</i>					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>14.270.991.716</b>	<b>2.257.149.113</b>	<b>194.349.485</b>	<b>16.722.490.314</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	-	3.841.274.982	768.955.749	60.281.458	4.670.512.189
Khấu hao trong năm		1.743.507.975	195.181.911	23.497.457	1.962.187.343
Giảm trong năm <i>Thanh lý, nhượng bán</i>					
<i>Xử lý tài sản mất</i>					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>5.584.782.957</b>	<b>964.137.660</b>	<b>83.778.915</b>	<b>6.632.699.532</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	10.429.716.734	1.488.193.364	112.068.027	12.029.978.125
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>8.686.208.759</b>	<b>1.293.011.453</b>	<b>110.570.570</b>	<b>10.089.790.782</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng đến 31/12/2010</u>	<u>Giảm đến 31/12/2010</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Gía trị sử dụng đất		16.100.342.363		16.100.342.363
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>16.100.342.363</b>	<b>-</b>	<b>16.100.342.363</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng đến 31/12/2010</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD đến 31/12/2010</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ dụng cụ	438.653.867	256.163.604	335.063.555	359.753.916
Giá trị thương hiệu	908.000.000	-	66.666.666	841.333.334
<b>Cộng</b>	<b>1.346.653.867</b>	<b>256.163.604</b>	<b>401.730.221</b>	<b>1.201.087.250</b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>12.236.432.000</b>	<b>11.229.009.374</b>
- Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam	12.236.432.000	11.229.009.374
<b>Vay ngắn hạn của các cá nhân</b>	<b>-</b>	<b>1.150.000.000</b>
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>634.977.300</b>
<b>Cộng</b>	<b>12.236.432.000</b>	<b>13.013.986.674</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh đến 31/12/2010</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả đến 31/12/2010</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.229.009.374	28.858.909.688	-	27.851.487.062	12.236.432.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.150.000.000	800.000.000	-	1.950.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	634.977.300	-	-	634.977.300	-
<b>Cộng</b>	<b>13.013.986.674</b>	<b>29.658.909.688</b>	<b>-</b>	<b>30.436.464.362</b>	<b>12.236.432.000</b>

**13. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Xây dựng 203		606.574.196
Công ty CP Việt Tín		
Công ty TNHH Gia Nhất	300.554.265	
Công ty TNHH 405	1.866.251.300	2.171.317.350
Công ty CP TB & TV ĐT CT XD Thăng Long	108.000.001	
Công ty TNHH Thiên Ngọc An		1.545.079.081
Công ty kinh doanh vật tư Tổng hợp Phú Hùng	4.520.243.561	910.901.932

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghiệp E Nhất	4.670.406.120	2.632.432.000
Công ty CP Vinaconex số 9	3.910.321.102	3.910.321.102
Công ty CP XD và trang trí nội ngoại thất Sao Mai	2.217.145.000	
Công ty CP Xây dựng số 17 Vinaconex		594.800.000
Công ty CP TM tổng hợp Đại Duyên Hải	5.424.000.000	
Công ty CP đầu tư & XD đường thủy	238.517.191	
Công ty tư vấn ĐT XD & TM Đông Cường	5.407.098.512	
Các đối tượng khác	264.311.760	1.616.746.711
<b>Cộng</b>	<b><u>28.926.848.812</u></b>	<b><u>13.988.172.372</u></b>

**14. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước		
Người mua trả tiền trước		
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn</i>	2.793.443.915	2.793.443.915
<i>Công ty Cổ phần kính nổi Chu Lai</i>		
<i>Tổng Công ty XD Bạch Đằng</i>	3.383.177.345	
<i>Công ty Cổ phần Bạch Đằng 7</i>	2.116.527.784	2.116.527.784
<i>Chi cục thuế quận Hải An</i>		2.365.000.000
<i>Công ty Cổ phần bất động sản tài chính dầu khí Việt Nam</i>		3.926.639.000
<i>Công ty Cổ phần thương mại đầu tư Cửu Long</i>	849.161.436	849.161.436
<i>Công ty CP đầu tư phát triển 18</i>	1.969.221.200	
<i>Đối tượng khác</i>	50.000.000	129.889.918
<b>Cộng</b>	<b><u>11.161.531.680</u></b>	<b><u>12.180.662.053</u></b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp đến 31/12/2010</u>	<u>Đã nộp vào NSNN đến 31/12/2010</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.712.126.813	3.773.668.717	9.417.357.059	1.068.438.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp	532.424.276	2.958.796.047	1.620.844.236	1.870.376.087
Thuế thu nhập cá nhân	826.248	740.747.896	598.843.734	142.730.410
Các loại thuế khác	-	859.265.528	859.265.528	0
<b>Cộng</b>	<b><u>7.245.377.337</u></b>	<b><u>8.332.478.187</u></b>	<b><u>12.496.310.557</u></b>	<b><u>3.081.544.968</u></b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.12

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý 4/2010</u>	<u>Quý 4/2009</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.016.355.901	2.143.012.163
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		(1.159.814.083)
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.944.316.455	28.087.807.919
Chi phí lãi vay tương ứng với phần vốn điều lệ góp thiếu	3.940.566.455	251.101.492
Chi phí không hợp lý hợp lệ	3.750.000	
Doanh thu của Công trình nhà máy xi măng Bim Sơn gói thầu 1B3 đã phát hành hóa đơn, chưa ghi nhận doanh thu kế toán		-
Giá vốn công trình Nhà máy xi măng Bim Sơn gói thầu 1B3		27.836.706.427
- Các khoản điều chỉnh giảm		(29.247.622.002)
Giá vốn tương ứng của Công trình nhà máy xi măng Bim Sơn gói thầu 1B3 đã phát hành hóa đơn, chưa ghi nhận doanh thu kế toán		-
Doanh thu Công trình nhà máy Xi măng Bim Sơn gói thầu 1B3		(29.247.622.002)
Tổng thu nhập chịu thuế	5.960.672.356	983.198.080
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>1.490.168.089</b>	<b>245.799.520</b>
<b>Thuế TNDN được giảm do ưu đãi cổ phần hóa</b>		<b>(122.899.760)</b>
<b>Thuế TNDN được giảm theo thông tư 03</b>		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.490.168.089</b>	<b>122.899.760</b>

### Giải trình việc tăng lợi nhuận sau thuế:

Quý 4/2009: 1.667.383.509

Quý 4/2010: 526.187.812

Nguyên nhân:

- Căn cứ vào công văn số 353/TCT-CS về việc hướng dẫn quyết toán thuế TNDN ( Ngày 29/1/2010). Trong đó: Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ đối với các khoản chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong giấy phép đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp.

Do đó, căn cứ vào công văn trên Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty là 60.000.000.000,đ

Thực tế Công ty mới chỉ góp vốn được: 26.000.000.000,đ

Còn thiếu 34.000.000.000,đ

Số vốn góp còn thiếu trên Công ty đã tính theo lãi suất vay của Ngân hàng và khoản lãi vay này không được tính vào chi phí và phải chịu thuế TNDN.

Như vậy, Lợi nhuận của quý 4/2010 giảm so quý 4/2009.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí các công trình chưa có chứng từ hoàn về	-	37.264.684
Chi phí lãi vay	1.509.955.544	375.213.529
<b>Cộng</b>	<b><u>1.509.955.544</u></b>	<b><u>412.478.213</u></b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	156.978.062	27.990.713
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	57.058.371	124.634.012
Phải trả Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng	690.375.256	870.886.814
Phải trả đội trường các công trình	9.680.927.187	10.476.153.367
<b>Cộng</b>	<b><u>10.585.338.876</u></b>	<b><u>11.499.664.906</u></b>

**18. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	1.954.481.834	4.010.688.435
Vay của các tổ chức, cá nhân	54.515.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>56.470.081.834</u></b>	<b><u>4.010.688.435</u></b>

***Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn***

	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	4.010.688.435
Số tiền vay phát sinh trong năm	55.804.221.799
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.344.828.400)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>56.470.081.834</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**19. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm trước	8.266.350.000	684.558.000	973.214.924	9.830.364	971.712.350	10.905.665.638
Cổ đông góp bằng tiền	4.733.650.000	378.740.000	-	-	-	5.112.390.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	3.287.585.324	3.287.585.324
Tăng ( Giảm) các quỹ	-	-	383.817.914	-	(383.817.914)	-
Cổ tức năm 2008	-	-	-	-	(971.712.349)	(971.712.349)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>1.063.298.000</b>	<b>1.357.032.838</b>	<b>9.830.364</b>	<b>2.903.767.411</b>	<b>18.333.928.613</b>
Số dư đầu năm nay	13.000.000.000	1.063.298.000	1.357.032.838	9.830.364	2.903.767.411	18.333.928.613
Cổ đông góp bằng tiền	13.000.000.000	3.055.000.000	-	-	-	16.055.000.000
Lợi nhuận đến 31/12/2010	-	-	-	-	2.888.564.106	2.888.564.106
Tăng ( Giảm) các quỹ năm 2009	-	-	62.315.870	138.445.098	(1.278.545.155)	(1.077.784.187)
Cổ tức năm 2009	-	-	-	-	(1.279.109.511)	(1.279.109.511)
Tạm ứng đợt 1 ( 10%) cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(2.600.000.000)	(2.600.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>4.118.298.000</b>	<b>1.419.348.708</b>	<b>148.275.462</b>	<b>634.676.851</b>	<b>32.320.599.021</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2010

### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.585.500.000	1.585.500.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên,...	24.414.500.000	11.414.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	4.118.298.000	1.063.298.000
<b>Cộng</b>	<b><u>30.118.298.000</u></b>	<b><u>14.063.298.000</u></b>

### *Cổ tức*

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước chi bằng tiền	1.279.109.511
Trả cổ tức Đợt 1 năm 2010 ( 10%) bằng tiền mặt:	2.600.000.000

### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	1.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.600.000	1.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.600.000	1.300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.600.000	1.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.600.000	1.300.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	(34.392.812)
Tăng trong năm	830.670.588
Chi quỹ trong năm	<u>(264.850.000)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>531.427.776</u></b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Quý 4/2010</u>	<u>Quý 4/2009</u>
Tổng doanh thu	449.675.784	69.134.797.868
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>449.675.784</u></b>	<b><u>69.134.797.868</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Quý 4/2010</b>	<b>Quý 4/2009</b>
Giá vốn hoạt động xây dựng	<u>(4.952.832.623)</u>	<u>63.373.529.848</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>(4.952.832.623)</u></b>	<b><u>63.373.529.848</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Quý 4/2010</b>	<b>Quý 4/2009</b>
Lãi tiền gửi	<u>657.927.413</u>	<u>3.921.200</u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Quý 4/2010</b>	<b>Quý 4/2009</b>
Chi phí lãi vay	<u>1.548.385.303</u>	<u>3.138.625.653</u>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Quý 4/2010</b>	<b>Quý 4/2009</b>
Chi phí bán hàng	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Quý 4/2010</b>	<b>Quý 4/2009</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	<u>2.494.086.205</u>	<u>2.861.938.226</u>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Quý 4/2010</b>	<b>Quý 4/2009</b>
Thu nhập khác	<u>-</u>	<u>14.481.996.668</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

Địa chỉ: Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 4 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	<u>Quý 4/2010</u>	<u>Quý 4/2009</u>
Chi phí khác	1.608.411	12.103.609.846

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý 4/2010</u>	<u>Quý 4/2009</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	526.187.812	1.667.383.509
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	526.187.812	1.667.383.509
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.694.953	733.207
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>310</u></b>	<b><u>2.274</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý 4/2010</u>	<u>Quý 4/2009</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.300.000	673.670
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	394.953	59.537
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>1.694.953</u></b>	<b><u>733.207</u></b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày ..... tháng ..... năm 2011

Tổng giám đốc

Dương Thị ThủyNguyễn Văn HợpNguyễn Văn Thương